

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐỨC THỊNH**

Số: **764**/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Thịnh, ngày 08 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách
nhà nước quý I năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ - UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 cho các xã, phường;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ - HDND ngày 31/12/2025 của HDND xã khóa I, kỳ họp thứ 4 về phân bổ dự toán Thu - Chi ngân sách năm 2026.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai kết quả thực hiện dự toán thu- chi ngân sách nhà nước quý I năm 2026 của UBND xã Đức Thịnh.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã, Trưởng các phòng, ban, ngành, Hiệu trưởng các trường học và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Lưu VT; KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Đức

BÁO CÁO CÔNG KHAI THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Thực hiện quý I/2026		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
Tổng thu	456.180.000.000	418.193.000.000	102.404.968.316	96.511.755.473	22	23
I. Các khoản thu 100%	1.080.000.000	880.000.000	1.331.313.267	1.297.121.278	123	147
- Phí, lệ phí	200.000.000	200.000.000	122.876.800	89.251.800	61	45
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	80.000.000	80.000.000				
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			1.200.000.000	1.200.000.000		
- Thu khác	800.000.000	600.000.000	8.436.467	7.869.478	1	1
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	114.820.000.000	77.033.000.000	9.014.943.329	3.155.922.475	8	4
I. Các khoản thu phân chia	4.540.000.000	1.840.000.000	2.690.660.838	814.251.133	59	44
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40.000.000	40.000.000	17.886.871	17.886.871	45	45
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	4.500.000.000	1.800.000.000	2.672.773.967	796.364.262	59	44

2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	110.280.000.000	75.193.000.000	6.324.282.491	2.341.671.342	99	50
Thu cấp quyền sử dụng đất	100.000.000.000	70.000.000.000	2.526.729.365	872.562.988	3	1
Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	7.720.000.000	4.755.000.000	2.886.445.628	1.423.119.673	37	30
Thuế thu nhập cá nhân	2.000.000.000	200.000.000	802.898.857	0	40	0
Tiền thuế ao hồ mặt nước	560.000.000	238.000.000	108.208.641	45.988.681	19	19
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			5.972.711.720	5.972.711.720		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	340.280.000.000	340.280.000.000	86.086.000.000	86.086.000.000	25	25
- Bổ sung cân đối ngân sách	252.739.000.000	252.739.000.000	63.046.000.000	63.046.000.000	25	25
- Bổ sung có mục tiêu	87.541.000.000	87.541.000.000	23.040.000.000	23.040.000.000	26	26
VII. Thu các loại quỹ						

UBND XÃ ĐỨC THỊNH

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2026 của UBND xã)

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	2	3	4	5
	Tổng số	418.193.000.000	80.926.782.577	19,35%
A	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	418.193.000.000	80.926.782.577	19,35%
I	Chi đầu tư phát triển	70.000.000.000	5.908.556.720	8,44%
1	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề		727.000.000	
2	Chi các hoạt động kinh tế		1.970.819.000	
-	Chi giao thông vận tải		1.641.819.000	
-	Chi nông, lâm ngư nghiệp và thủy lợi, thủy sản		329.000.000	
3	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể		3.210.737.720	
II	Chi thường xuyên các lĩnh vực	348.193.000.000	75.018.225.857	21,55%
1	Chi quốc phòng	2.609.000.000	250.000.000	9,58%
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	370.000.000	100.000.000	27,03%
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	167.647.000.000	35.742.090.084	21,32%
4	Chi khoa học và công nghệ	300.000.000		
5	Chi y tế, dân số và gia đình	50.000.000	30.000.000	60,00%
6	Chi văn hoá thông tin	150.000.000		
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	90.000.000		
8	Chi thể dục thể thao	500.000.000		
9	Chi bảo vệ môi trường	2.500.000.000		0,00%
10	Chi các hoạt động kinh tế	36.837.000.000	142.464.188	0,39%
10.1	Chi giao thông vận tải			
10.2	Chi nông, lâm ngư nghiệp và thủy lợi, thủy sản			
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	33.927.000.000	8.718.593.465	25,70%
11.1	- Chi quản lý nhà nước	16.981.926.000	4.545.555.186	26,77%
11.2	- Chi hoạt động Đảng ủy	9.618.634.000	2.355.200.000	24,49%
11.3	- Chi hoạt động Tổ chức chính trị	6.626.440.000	1.817.838.279	27,43%
11.4	- Chi hỗ trợ đoàn thể, hội liên hiệp			
11.5	- Chi hoạt động khác	700.000.000		0,00%
12	Chi đảm bảo xã hội	94.307.000.000	30.035.078.120	31,85%
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	2.980.000.000		
14	Chi dự phòng ngân sách	5.926.000.000	0	